

Bản án số: 23/2019/HS-ST
Ngày 05/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN ĐỒN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Phạm Văn Bé

- Ông Hoàng Đình Cầu

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2019/HSST ngày 16 tháng 10 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST - HS ngày 22/10/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Thành V**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;
Sinh ngày: 16/10/1990, tại Vân Đồn, Quảng Ninh;
Nơi ĐKKHKT: Thôn ĐH, xã DX, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: Không; Đoàn thể: Không; Trình độ học vấn: 12/12;
Họ tên cha: Bùi Minh T, sinh năm: 1954;
Họ tên mẹ: Nguyễn Thị L, (đã chết);
Có vợ là: Phạm Thu H, sinh năm 1995; Có một con sinh năm 2014
Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 25/6/2019, Công an huyện Vân Đồn xử phạt hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 15/8/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vân Đồn - Có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Ngô Văn T** - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;
Sinh ngày: 01/8/1990, tại Vân Đồn, Quảng Ninh;
Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã DX, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: Không; Đoàn thể: Không; Trình độ học vấn: 9/12;
Họ tên cha: Ngô Văn T, sinh năm: 1964;
Họ tên mẹ: Châu Thị Mai S, sinh năm: 1964;
Có vợ là: Nguyễn Thuỳ D, sinh năm 1995; Có một con sinh năm 2013;
Tiền án: Có 03 tiền án

- Ngày 16/01/2013 Toà án nhân dân huyện Vân Đồn xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 25/01/2014 Toà án nhân dân huyện Vân Đồn xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 27/7/2016 Toà án nhân dân huyện Vân Đồn xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” ngày 05/8/2018 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 15/8/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Vân Đồn - Có mặt tại phiên tòa

* Người bị hại: Chị Bùi Thị L - sinh năm 1971

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh - Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

* Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan

1. Anh Nguyễn Văn H – sinh năm 1993; Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh - Vắng mặt tại phiên tòa

2. Chị Phạm Thu H – sinh năm 1995; Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh - Có mặt tại phiên tòa;

3. Ông Phạm Văn Q – sinh năm 1959; Trú tại: Tổ k, khu pA, phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh - Vắng mặt tại phiên tòa;

4. Bà Nguyễn Thị S – sinh năm 1965; Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh - vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 14/8/2019, Bùi Thành V đi xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 14H6-0533 chở vợ là chị Phạm Thu H đến chợ thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện Vân Đồn để bán hàng rồi để xe ở đó. V cầm theo chìa khóa xe, đi bộ đến đối diện cổng chợ, nhìn thấy chiếc xe mô tô Sirius màu trắng BKS 14S1-03857 của bà Bùi Thị L, trú tại thôn Đ, xã Đ nên nảy sinh ý định trộm cắp. V dùng chìa khoá đang cầm mở khoá điện xe mô tô BKS 14S1-03857 và mở được. V lấy xe trên, điều khiển đến thôn Đ. Trên đường đi V dùng điện thoại số 0369446752 của chị H gọi vào số điện thoại 0836947966 cho Ngô Văn T nhờ tìm chỗ bán xe thì T đồng ý và bảo V đem đến nhà ông Phạm Văn Q ở khu pA, phường C, thành phố Cẩm Phả. Khoảng 10 phút sau V đến đón T. Khi thấy V điều khiển xe mô tô BKS 14S1-03857 thì T nhận thức được xe này do V trộm cắp mà có. V chở T đi đến nhà ông Q, T vào gặp ông Q để giao dịch còn V điều khiển xe đến hồ BaZa thuộc phường C, dùng tay tháo biển số và khung giá đỡ phía trước của xe giấu nhằm tránh chủ xe phát hiện. Cùng lúc, khi gặp ông Q, T nói dối xe ở Hoàn Kiếm. Ông Q yêu cầu mang xe đến để kiểm tra thì T gọi điện báo V cầm xe đến và dặn nói với ông Q ở Hoàn Kiếm. Tại sân nhà ông Q, V và T nói ở Hoàn Kiếm, cần bán xe. Ông Q không đồng ý mua, chỉ nhận cầm cố với số tiền 1.500.000 đồng trong thời hạn 05 ngày. V và T đồng ý. Sau khi nhận được tiền của ông Q, V và T đi xe taxi về khu vực đô thị V thuộc khu i, thị trấn C, huyện

Vân Đồn. V nhờ người xe ôm không quen biết mua 02 gói ma túy loại Heroine với giá 300.000 đồng và cùng T sử dụng hết. Số tiền còn lại V cho T 50.000 đồng đi xe về nhà, còn lại V cất giữ.

Tại Kết luận định giá số 25/KL-HĐĐG ngày 15/8/2019, của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Vân Đồn kết luận: Xe mô tô Yamaha Sirius màu trắng trị giá 13.608.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm linh tám nghìn đồng)

Quá trình điều tra, và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thành V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, như nội dung bản cáo trạng đã quy kết. Bị cáo thừa nhận bản thân có sử dụng ma túy Heroine, thừa nhận khoảng 16 giờ ngày 14/8/2019 tại khu vực đối diện cổng chợ Đ, huyện Vân Đồn bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Yamaha Sirius màu trắng, sau đó cùng với Ngô Văn T đem đi cầm cố được 1.500.000đ tại phường C. Thừa nhận chiếc biển số xe và giá để hàng bị thu giữ, cạnh khu vực bờ hồ Ba Za, là do bị cáo tháo từ chiếc xe mô tô trộm cắp và vứt tại đó, thừa nhận đã cùng bị cáo T bàn bạc, thống nhất nói nguồn gốc xe là từ Hoàn Bô để cầm cố cho ông Q, ông Q đưa tiền cho T, sau đó khi ra khỏi cổng nhà ông Q, bị cáo T đưa lại cho bị cáo cầm toàn bộ số tiền 1.500.000đ, thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn truy tố đối với bị cáo, đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện và đúng người, đúng tội, không oan.

Ngoài ra bị cáo còn khai nhận, chỉ có một mình bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo không trao đổi, bàn bạc với ai, không bị ai ép buộc, xúi giục, chiếc chìa khóa bị cáo dùng để mở khóa xe là chìa khóa xe bị cáo dùng để chở chị H đi chợ, chiếc điện thoại bị cáo dùng để liên lạc với bị cáo T là điện thoại của chị H, chị H không biết việc bị cáo trộm cắp xe và liên lạc với T. Việc bị cáo tháo biển số xe và giá để hàng vứt đi, là nhằm mục đích tránh để bị phát hiện xe do trộm cắp mà có, số tiền 700.000đ bị cáo giao nộp, là tiền còn lại trong tổng số tiền 1.500.000đ ông Q đưa cho bị cáo, khi mới bị bắt giữ, do nhớ nhầm, bị cáo đã khai ông Q cầm cố chiếc xe cho bị cáo, thực tế ông Q chỉ cầm hộ bị cáo với thời hạn 05 ngày, sau đó bị cáo sẽ lấy lại xe, khi cầm hộ xe, giữa bị cáo và ông Q không thỏa thuận về việc tính lãi, không có hóa đơn, giấy tờ ghi nhận việc cầm hộ xe. Ngoài ra bị cáo còn giao nộp 01 móc chìa khóa kim loại màu trắng; 01 chiếc chìa khóa xe máy màu đen nhãn hiệu Honda; 01 chìa khóa kim loại màu trắng trên bề mặt khóa có chữ SCAR. Trong đó 01 chiếc chìa khóa xe máy màu đen nhãn hiệu Honda, là chìa khóa bị cáo dùng để mở khóa thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 14/8/2019.

Bị cáo Ngô Văn T khai nhận:

Bị cáo thừa nhận lời khai của bị cáo V về diễn biến sự việc, từ khi bị cáo nhận được điện thoại của bị cáo V, đến khi bị cáo V cho bị cáo 50.000đ để đi xe ôm về nhà là đúng sự thật. Bị cáo thừa nhận biết chiếc xe mô tô Yamaha Sirius màu trắng mà bị cáo V đi đến đón bị cáo là xe do phạm tội mà có, nhưng bị cáo vẫn đồng ý cùng bị cáo V đi đến nhà ông Q để cầm cố xe, bị cáo còn bàn bạc với V, nếu ông Q có hỏi thì nói là xe ở Hoàn Bô để tạo lòng tin với ông Q, khi cầm xe, bị cáo là người nhận tiền từ ông Q, sau đó đưa lại toàn bộ cho bị cáo V. Bị cáo thừa nhận, chiếc điện thoại di động LV Mobile màu trắng bạc bị thu giữ, là điện thoại bị cáo dùng để liên lạc với V tìm chỗ tiêu thụ xe máy, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ bị thu giữ là số tiền còn lại trong tổng số 50.000đ bị cáo V

đưa cho bị cáo đi xe ôm về nhà, thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn truy tố đối với bị cáo, đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện và đúng người, đúng tội, không oan.

Tại cơ quan điều tra, và tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, người bị hại là chị Bùi Thị L có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo về việc khoảng 16 giờ ngày 14/8/2019, chị có đề 01 chiếc xe mô tô Sirius màu trắng BKS 14S1-03857, tại khu vực cổng chợ Đ, sau đó vào chợ mua đồ khoảng 10 phút thì quay ra, nhưng không thấy xe đâu, sau đó chị trình báo sự việc với Công an huyện Vân Đồn. Về nguồn gốc chiếc xe, chị mượn của con rể chị là anh Nguyễn Văn H, đến nay chị đã nhận lại đầy đủ chiếc xe nêu trên, chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất kỳ khoản tiền nào khác, về hình phạt, chị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Văn Q là người cầm xe cho các bị cáo với số tiền 1.500.000đ; chị Phạm Thu H là vợ của bị cáo V, là người có chiếc điện thoại bị cáo V dùng để gọi cho bị cáo T; Anh Nguyễn Văn H là người cho chị Bùi Thị L mượn xe mô tô; Bà Nguyễn Thị S là người giao nộp cho cơ quan Công an chiếc USB, bên trong chứa nội dung hình ảnh trích xuất từ Camera, ghi nhận diễn biến sự việc xảy ra tại khu vực cổng chợ Đ. Tại hồ sơ và tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo về diễn biến sự việc. Ngoài ra, về trách nhiệm dân sự, ông Phạm Văn Q không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho ông số tiền 1.500.000đ. Bà Nguyễn Thị S không có nhu cầu nhận lại chiếc USB đã giao nộp.

Tại bản cáo trạng số 22/CT - VKSVĐ ngày 15/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn truy tố bị cáo Bùi Thành V về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Ngô Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện Vân Đồn giữ nguyên quyết định truy tố Bùi Thành V, Ngô Văn T theo nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Thành V từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 15/8/2019.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Văn T từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 15/8/2019.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 710.000đ (bảy trăm mười nghìn đồng); 01 điện thoại LV Mobile màu trắng bạc, màn hình vỡ, không lên nguồn.

- Truy thu, buộc bị cáo Bùi Thành V phải nộp lại số tiền 790.000đ (bảy trăm chín mươi nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Trả lại cho chị Phạm Thu H 01 móc chìa khóa xe

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vân Đồn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được qui định trong Bộ luật Tố tụng hình sự ; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo Bùi Thành V, Ngô Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chính lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 14/5/2019, tại thôn Đ, xã Đ, huyện Vân Đồn, Bùi Thành V có hành vi trộm cắp của bà Bùi Thị L chiếc xe mô tô Sirius màu trắng BKS 14S1-03857, trị giá 13.608.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm linh tám nghìn đồng). Ngô Văn T biết rõ chiếc xe trên do Vương phạm tội mà có, đã cùng với V đem đi cầm cố tại cửa hàng của ông Phạm Văn Q để lấy 1.500.000 đồng mua ma túy sử dụng và ăn tiêu.

Các bị cáo Bùi Thành V, Ngô Văn T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của bị cáo V đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được qui định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định:

1. *Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:*

...

đ) Tái phạm nguy hiểm.”

[3] Viện kiểm sát truy tố bị cáo Bùi Thành V tội “Trộm cắp tài sản” được qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Ngô Văn T tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được qui định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật.

[4] Các bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được các quy định của pháp luật về quyền sở hữu về tài sản của người khác, nhận thức được việc khi biết rõ tài sản do phạm tội mà có, nhưng vẫn thực hiện hành vi để tiêu thụ, tẩu tán tài sản là hành vi bị pháp luật ngăn cấm, nhưng do lười lao động, đua đòi dẫn đến nghiện ma túy, coi thường pháp luật, vì mục đích thỏa mãn nhu cầu cá nhân dẫn đến phạm tội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong đời sống nhân dân, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn, vì vậy cần xử phạt các bị cáo nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng đều có nhân thân xấu, bị cáo Bùi Thành V có một tiền sự, bị xử phạt hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo Ngô Văn T nhiều lần bị xử lý hình sự phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” phạm tội lần này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung theo điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo V phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[6] Xét về tính chất, vai trò của các bị cáo:

Đây là một vụ án không có tính chất đồng phạm, các bị cáo hành động độc lập, vì vậy các bị cáo tự chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mình đã thực hiện.

[7] Sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét thấy, bị cáo V có nhân thân xấu, bị cáo T đã từng “Tái phạm” nhiều lần, phạm tội lần này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”, là tình tiết định khung hình phạt theo điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng mà tiếp tục phạm tội, vì vậy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác, vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô Sirius màu trắng BKS 14S1-03857, cơ quan Công an đã trả cho chị Bùi Thị L; Chiếc điện thoại di động

nhãn hiệu Sony Xperia đã trả cho chị Phạm Thị H, nên không đề cập xử lý; 01 USB chứa hình ảnh Video sự việc xảy ra, do bà Nguyễn Thị S giao nộp, nay bà S không có nhu cầu nhận lại chiếc USB trên, do đó, cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án, vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

- 01 móc chìa khóa kim loại màu trắng; 01 chiếc chìa khóa xe máy màu đen nhãn hiệu Honda; 01 chìa khóa kim loại màu trắng trên bề mặt khóa có chữ SCAR là chìa khóa xe mô tô của chị Hằng, nay vụ án kết thúc, cần trả lại cho chị H để tiếp tục sử dụng.

- 01 điện thoại LV Mobile màu trắng bạc bị cáo T dùng để liên lạc vào việc phạm tội; Số tiền 710.000đ (bảy trăm mười nghìn đồng) là số tiền do phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; Số tiền 790.000đ (bảy trăm chín mươi nghìn đồng) bị cáo V đã chi tiêu, cần truy thu, buộc bị cáo Bùi Thành V phải nộp lại, để nộp ngân sách nhà nước.

[11] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[13] Phạm Văn Q cầm cố chiếc xe mô tô Sirius màu trắng không có biển kiểm soát của V và T nhưng không biết chiếc xe trên là do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Thành V.

- Điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Ngô Văn T.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thành V phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Ngô Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Xử phạt bị cáo Bùi Thành V 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 15/8/2019.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 15/8/2019.

Áp dụng: Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho chị Phạm Thu H, địa chỉ tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, 01 móc chìa khóa kim loại màu trắng; 01 chiếc chìa khóa xe máy màu đen nhãn hiệu Honda; 01 chìa khóa kim loại màu trắng trên bề mặt khóa có chữ SCAR.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 710.000đ (bảy trăm mười nghìn đồng); 01 điện thoại LV Mobile màu trắng bạc, màn hình vỡ, không lên nguồn.

- Truy thu, buộc bị cáo Bùi Thành V phải nộp lại số tiền 790.000đ (bảy trăm chín mươi nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Tình trạng vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng số 01 ngày 29/10/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vân Đồn, Quảng Ninh.

- Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Bùi Thành V, Ngô Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

- Căn cứ vào: Khoản 1, khoản 4 Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự

Bị cáo Bùi Thành V, Ngô Văn T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QN*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Đồn*
- *CQCSĐT, THAHS Công an huyện Vân Đồn*
- *Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Đồn*
- *Bị cáo, Bị hại, người liên quan, THA*
- *Lưu hồ sơ, lưu văn phòng*

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Hồng Ninh